

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-PT
Ngày: 22-02- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Lễ

Ông Nguyễn Phước Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2023/HSPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn B; do có kháng cáo của bị cáo B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2022/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn B; Giới tính: Nam; sinh năm: 1973 tại An Phú, An Giang; nơi cư trú: Tổ 14, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Hiếu Nghĩa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Trần Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị A (đã chết);. có vợ Mai Thị D, sinh năm 1979; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B có: Luật sư Trần Ngọc Ph - thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Beo; (có mặt)

Bị hại: Ông Võ Văn C, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 14, Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Mai Thị D, sinh năm 1979, nơi cư trú: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang. (có mặt),

Người làm chứng:

1/ Kiều Văn L, sinh năm 1990;(vắng mặt)

2/ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977; (vắng mặt)

3/ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1981; (vắng mặt)

(Trong vụ án, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 16/02/2022, ông Võ Văn C cầm cây tre dài khoảng 03 mét đi đến nhà của Mai Văn Nh ngụ ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú để đòi nợ, nhưng không thấy Nh ở nhà, nên ông C dùng cây tre chọc lên nóc nhà của Nh, thì xảy ra cự cãi với bà Đỗ Thị Ph (mẹ ruột Nh). Lúc này, Trần Văn B (con rể bà Ph) nghe tiếng cự cãi giữa bà Phước và ông C, nên đến khuyên can. Ông C dùng tay đánh vào đầu B 01 cái, Beo dùng tay đánh vào mặt ông C. Cả hai tiếp tục chạy đến đồng cùi khô gần đó, B nhặt khúc gỗ dài 30,5 cm, rộng 07 cm cầm trên tay, ông C cũng nhặt 01 khúc gỗ. Khi cả 02 đứng đối diện, B cầm khúc gỗ đánh 01 cái trúng mũi của ông C gây thương tích. Ông C nhặt khúc gỗ ném B; B dùng tay đánh nhiều cái vào lưng ông C thì được mọi người can ngăn. Ông C được gia đình đưa đến Bệnh viện Răng hàm mặt tại Thành phố Hồ Chí Minh điều trị vết thương ở mũi đến ngày 04/3/2022 xuất viện.

Ngày 13/3/2022, ông Võ Văn C có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Văn B.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 230/22/TgT ngày 04/05/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, xác định: Võ Văn C, sinh năm: 1965; cư trú: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Chấn thương mũi: Gãy xương chính mũi, đã phẫu thuật nắn chỉnh.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09% (chín phần trăm).

3. Kết luận khác: Thương tích do vật tày có cạnh gây nên.

Ngày 20/7/2022, Trần Văn B bị khởi tố điều tra.

Lời khai của người bị hại ông Võ Văn C, trình bày phù hợp nội dung vụ án. Yêu cầu xử lý hình sự đối với B và bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

Cáo trạng số 45/CT-VKSAP-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện AP truy tố Trần Văn B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 38, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B: 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 khúc gỗ khô, dài 30,5 cm, rộng 07 cm;
- 01 khúc gỗ khô, có kích thước 20,3 cm x 20,2 cm.

(Các vật chứng trên hiện đang do Cơ quan thi hành án dân sự huyện AP quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2022)

Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông C là: 20.000.000 (Hai chục triệu) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP có trách nhiệm giao cho ông C 6.000.000 (Sáu triệu) đồng mà bị cáo đã nộp (Theo biên lai thu số 0003471 ngày 17/10/2022 và 0003472 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP). Bị cáo còn phải bồi thường thêm số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc bị cáo B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (Một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 17/11/2022 bị cáo Trần Văn B kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Beo xin giảm nhẹ hình phạt, cho được hưởng án treo; bị cáo có nộp thêm 6.000.000đ để khắc phục hậu quả cho bị hại, mong Hội đồng xét xử có xem xét;

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo pháp luật, do bị cáo cố ý đánh bị hại;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử;

Về thủ tục kháng cáo: Bị cáo B có đơn kháng cáo hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo, bị hại nó phù hợp các với tình tiết trong hồ sơ vụ án; bị cáo đã có hành vi dùng 01 thanh gỗ đánh vào mũi ông C, gây thương tích sụn sống mũi. Mặc dù tỷ lệ thương tật của bị hại chỉ 09%; nhưng bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm đánh vào vùng mặt, đầu dễ gây thương tích cho bị hại; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật;

Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù, là đã có xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục khắc phục hậu quả nộp thêm 6.000.000đ; nên có xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt;

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ Luật hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo; xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội ‘Cố ý gây thương tích’ theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo;

Về nội dung và các tình tiết của vụ án, truy tố xét xử bị cáo là hoàn toàn thống nhất, không có ý kiến tranh luận; tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét thêm các tình tiết, về việc đòi tiền của bị hại không đúng, có hành vi khiêu khích gia đình bị cáo, mới xảy ra cự cãi; bị hại đánh bị cáo trước, làm cho bị cáo bị kích động dẫn đến hành vi phạm tội; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B có nộp thêm số tiền 6.000.000đ; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; trong vụ án này một phần lỗi của bị hại trước; tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn xin lỗi bị hại; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo chấp hành tốt theo yêu cầu của cơ quan pháp luật không đi khỏi nơi cư trú; căn cứ điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo;

Tranh luận:

Kiểm sát viên tranh luận: Luật sư đưa ra các tình tiết giảm nhẹ, đã được cấp sơ thẩm xem xét hết rồi; tuy nhiên ở phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có nộp thêm 6.000.000đ để khắc phục hậu quả, nên Viện kiểm sát đề nghị có xem xét giảm cho bị cáo 02 tháng; còn về hưởng án treo, Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét; Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm ban đầu.

Luật sư không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Do hoàn cảnh gia đình bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo tỏ rõ ăn năn, mong Hội đồng xét xử cho hưởng án treo, để ở ngoài làm có tiền bồi hoàn cho bị hại;

Đề nghị của Viện kiểm sát, Luật sư và lời nói sau cùng của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử ghi nhận, xem xét và thảo luận tại phòng nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị cáo B trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận để giải quyết theo trình tự phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt; tuy nhiên, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử; xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của người làm chứng tại phiên tòa; căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo B về việc xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; xuất phát từ tính tình nóng nảy, không kiềm chế bản thân bị cáo đã dùng khúc gỗ (cây củi) gây thương tích cho ông Võ Văn C; lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp lời trình bày của bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận Giám định pháp y đối với thương tích của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ; bị cáo đã dùng thanh gỗ là loại hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Cầu gây tổn hại cho sức khỏe của ông Cầu với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%.

Bị cáo B nhận thức biết được thanh gỗ là hung khí nguy hiểm nếu sử dụng đánh vào người sẽ gây thương tích, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng cho người khác khi tấn công vào vùng mặt ; nếu tấn công vào vùng trọng yếu của cơ thể sẽ gây nguy hại đến tính mạng. Do đó, hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật;

[3.2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; tuy bị hại có hành vi đánh bị cáo trước, nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt không đáng có, cách cư xử chưa đúng mực; mà bị cáo gây tổn thương cho bị hại đến 09% thương tật; thấy rằng, sức khỏe tính mạng là vốn quý của con người; vì vậy được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh trật tự địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội; bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Cấp sơ thẩm đã có cân nhắc xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có cân nhắc, xem xét và khoan hồng cho bị cáo;

[3.3] Ở giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã khắc phục thêm số tiền 6.000.000đ cho bị hại, bị cáo tỏ rõ thiện chí, mong muốn bồi thường cho bị hại; trước phiên tòa bị cáo có xin lỗi bị hại; trong vụ án này, có phần lỗi của bị hại là đánh vào đầu bị cáo trước; do đó Hội đồng xét xử, cân nhắc có xem xét giảm cho bị cáo 02 tháng tù, cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội; như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa;

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm tính chưa chính xác, không đúng pháp luật; mặc dù bị cáo không kháng cáo đến nội dung này; nhưng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo; Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng pháp luật;

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; thì số tiền bị cáo tự nguyện nộp khắc phục trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp; bị cáo đã nộp khắc phục trước khi mở phiên tòa sơ thẩm được 6.000.000đ; do đó, bị cáo phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp này là 700.000đ;

[5] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B về việc xin giảm nhẹ hình phạt;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn B: 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 khúc gỗ khô, dài 30,5 cm, rộng 07 cm;
- 01 khúc gỗ khô, có kích thước 20,3 cm x 20,2 cm.

(Các vật chứng trên hiện đang do Cơ quan thi hành án dân sự huyện AP quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2022)

Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Cầu số tiền: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP có trách nhiệm giao cho ông Võ Văn C 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), mà bị cáo đã nộp (Theo biên lai thu số 0003471 ngày 17/10/2022; biên lai số 0003472 ngày 17/10/2022 và biên lai thu số 0004611 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP. Bị cáo B còn phải bồi thường thêm cho ông C số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn B không phải chịu;

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện (2);
- Công an huyện (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADShuyện (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng;
- Lưu: THS (2);

Nguyễn Văn Sơn